

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trương Hữu Chí	Thành viên
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Hữu Chí	Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Đinh Thị Huyền Trang	Thành viên
Ông Bùi Toàn Thắng	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính 2018 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2018/TT-BTC ngày 22/09/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2018/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Hữu Chí

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30/03/2019 từ trang 6 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2018, tổng số dự phòng phải thu khó đòi của Công ty chưa được trích lập dự phòng đầy đủ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với giá trị 603.075.000 đồng. Nếu trích lập dự phòng thì Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên và lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 giảm đi số tiền tương ứng.

Liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn khác số tiền: 10.949.873.500 đồng, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của các Công ty nhận đầu tư nên chưa có cơ sở để đưa ý kiến về việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có) của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.436.012.405	40.874.145.309
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	889.789.826	1.776.726.874
Tiền	111		889.789.826	1.776.726.874
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.488.350.334	31.185.058.676
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.352.592.498	25.388.317.963
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.301.675.000	1.516.675.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.267.334.516	2.267.334.516
Các khoản phải thu khác	136	7	2.357.538.320	5.803.521.197
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.790.790.000)	(3.790.790.000)
Hàng tồn kho	140	8	3.442.650.639	6.090.241.548
Hàng tồn kho	141		3.442.650.639	6.090.241.548
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.615.221.606	1.822.118.211
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.556.005.659	1.762.902.264
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	59.215.947	59.215.947
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		258.641.565.299	258.473.411.682
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.062.323.287	6.062.323.287
Phải thu dài hạn khác	216	7	6.062.323.287	6.062.323.287
Tài sản cố định	220		96.177.808	443.511.136
Tài sản cố định hữu hình	221	10	96.177.808	443.511.136
- Nguyên giá	222		2.882.922.929	2.882.922.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.786.745.121)	(2.439.411.793)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		700.000.000	700.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(700.000.000)	(700.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		204.756.145.977	203.892.067.045
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	204.756.145.977	203.892.067.045
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	38.657.341.500	38.657.341.500
Đầu tư vào công ty con	251		24.207.468.000	24.207.468.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.500.000.000	3.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.949.873.500	10.949.873.500
Tài sản dài hạn khác	260		9.069.576.727	9.418.168.714
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	9.069.576.727	9.418.168.714
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		288.077.577.704	299.347.556.991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		234.993.858.741	245.886.625.600
Nợ ngắn hạn	310		15.981.288.859	27.738.134.650
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	14.340.926.313	24.215.617.941
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.586.650.000	1.586.650.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	15.228.928	200.008.402
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	37.956.500	1.735.331.189
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		527.118	527.118
Nợ dài hạn	330		219.012.569.882	218.148.490.950
Phải trả dài hạn khác	337	15	219.012.569.882	218.148.490.950
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.083.718.963	53.460.931.391
Vốn chủ sở hữu	410	16	53.083.718.963	53.460.931.391
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.793.442.327	10.793.442.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.290.276.636	4.667.489.064
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.543.340.281	5.702.150.668
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		746.936.355	(1.034.661.604)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		288.077.577.704	299.347.556.991

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích



Trương Hữu Chí

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	2.994.403.678	624.389.090
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.994.403.678	624.389.090
Giá vốn hàng bán	11	18	2.994.403.678	624.389.090
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.776.603.337	4.421.585.596
Chi phí tài chính	22		-	1.894.316.649
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	1.027.986.982	3.477.298.586
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		748.616.355	(950.029.639)
Chi phí khác	32		1.680.000	84.631.965
Lợi nhuận khác	40		(1.680.000)	(84.631.965)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		746.936.355	(1.034.661.604)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		746.936.355	(1.034.661.604)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.546.261.465	6.960.000.000
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(7.261.878.811)	(5.564.167.979)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.414.087.961)	(1.542.198.766)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.042.816.825	2.241.082.588
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.296.375.666)	(2.252.742.663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.383.264.148)	(158.026.820)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(279.392.500)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(424.178.912)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.410.185.600	140.203.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.410.185.600	(263.368.316)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(913.858.500)	(2.119.474.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(913.858.500)	(2.119.474.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(886.937.048)	(2.540.869.836)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	1.776.726.874	4.317.596.710
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	889.789.826	1.776.726.874

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (“Công ty”), tiền thân là Xi nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh vật tư và xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 25/05/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100947309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/05/2017.

Trụ sở chính: Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Thiết kế chuyên giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và nhà xưởng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông các loại;
- Chuyển giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuẩn bị dự án, lập dự án, tư vấn thực hiện dự án;
- Tư vấn điều hành quản lý dự án;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP(TIẾP)

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản, môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản; tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất công trình; thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thiết kế hệ thống điều khiển công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện, lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông. Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

3.3 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Một số khoản công nợ đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên nhưng Công ty đánh giá có khả năng thu hồi bình thường nên không trích lập dự phòng.

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là Bản quyền sáng chế Công ty được cấp.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Máy móc thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu nhằm thu lợi nhuận, các khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

4.9 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.10 NGOẠI TỆ

Trong năm 2018, việc xử lý chênh lệch tỷ giá đối với các khoản mục tiền tệ được Công ty áp dụng như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính, thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có thể có các ảnh hưởng lớn đến Công ty trong các quyết định về hoạt động và tài chính. Tất cả các giao dịch có số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4.12 THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Tiền mặt	202.223.267	409.853.404
- Tiền gửi ngân hàng	687.566.559	1.366.873.470
	889.789.826	1.776.726.874

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	18.352.592.498	25.388.317.963
- Công ty TNHH Xây dựng KCC	1.442.260.000	1.442.260.000
- Công ty CP Sông Đà 5	-	4.284.170.000
- Công ty CP Viện máy và Dụng Cụ công nghiệp	2.723.938.000	5.139.179.465
- Viện cơ điện tử CIE	3.408.865.478	3.204.529.478
- Các khách hàng khác	10.777.529.020	11.318.179.020
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.408.865.478	3.204.529.478
- Viện cơ điện tử CIE	3.408.865.478	3.204.529.478

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.357.538.320	-	5.803.521.197	-
- Phải thu về lợi nhuận được chia (*)	1.034.250.000	-	4.741.266.100	-
- Phải thu người lao động	154.020.000	-	197.447.670	-
- Ký cược, ký quỹ	13.232.000	-	13.232.000	-
- Lãi cho vay, tiền gửi	86.682.067	-	86.682.067	-
- Phụ cấp HĐQT, Ban kiểm soát	139.575.000	-	215.025.000	-
- Phải thu khác	929.779.253	-	563.100.352	-
Cho vay ngắn hạn	2.267.334.516	-	2.267.334.516	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà (CIE- CMC-SĐVĐ)	2.167.334.516	-	2.167.334.516	-
- Đối tượng khác	100.000.000	-	100.000.000	-
Dài hạn	6.062.323.287	-	6.062.323.287	-
- Phải thu Công ty CMC về khoản hỗ trợ dự án Nhân Chính	6.062.323.287	-	6.062.323.287	-

(*) Chi tiết tại thuyết minh 24.2 Số dư với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	215.480.175	-	215.480.175	-
- Công cụ, dụng cụ	8.555.000	-	8.555.000	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.218.615.464	-	5.866.206.373	-
	3.442.650.639	-	6.090.241.548	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	9.069.576.727	9.418.168.714
- Thuê Văn phòng	9.068.221.091	9.510.565.091
- Chi phí sửa chữa Văn phòng	-	274.182.036
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.355.636	128.775.623
	9.069.576.727	9.418.168.714

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2018	96.934.070	2.753.861.559	32.127.300	2.882.922.929
31/12/2018	96.934.070	2.753.861.559	32.127.300	2.882.922.929
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2018	96.934.070	2.310.350.423	32.127.300	2.439.411.793
- Khấu hao trong năm	-	(347.333.328)	-	(347.333.328)
31/12/2018	96.934.070	2.657.683.751	32.127.300	2.786.745.121
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2018	-	443.511.136	-	443.511.136
31/12/2018	-	96.177.808	-	96.177.808

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2018 số tiền: 798.922.929 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân	204.756.145.977	203.892.067.045
Cộng	<u><u>204.756.145.977</u></u>	<u><u>203.892.067.045</u></u>

Đây là dự án được triển khai theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐHTKD ngày 28/05/2015 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà Việt Đức (SĐVD), Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (CIE) để đầu tư dự án nhà ở tại ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội với Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.497.806.306 đồng. Tỷ lệ góp vốn của các bên là: SĐVD góp 51,4%, CMC góp 24,3% và CIE góp 24,3% trong tổng số vốn góp dự kiến là 299.561.333.061 đồng. Các bên sẽ cùng tham gia quá trình triển khai dự án với tư cách là đồng Chủ Đầu tư và ủy quyền cho SĐVD là đại diện Chủ đầu tư. Các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà CIE-CMC-SĐVD (CCV Housing) làm Ban điều phối Dự án.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
Đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	24.207.468.000	-	24.207.468.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	16.200.000.000	-	16.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	1.530.000.000	-	1.530.000.000	-
+ Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	2.777.468.000	-	2.777.468.000	-
+ Viện cơ điện MICIE	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần 3B	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	10.949.873.500	-	10.949.873.500	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường	375.000.000	-	375.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư - Tư vấn Xây dựng IMI	12.500.000	-	12.500.000	-
+ Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm	40.000.000	-	40.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ CN	5.652.373.500	-	5.652.373.500	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà CIE - CMC - SĐVD	4.870.000.000	-	4.870.000.000	-
	38.657.341.500		38.657.341.500	

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
Đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	14.340.926.313	14.340.926.313	24.215.617.941	24.215.617.941
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	14.022.230.846	14.022.230.846	23.898.159.163	23.898.159.163
- Các đối tượng khác	318.695.467	318.695.467	317.458.778	317.458.778
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	14.022.230.846	14.022.230.846	23.898.159.163	23.898.159.163
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	14.022.230.846	14.022.230.846	23.898.159.163	23.898.159.163

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

14.1 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP TRONG NĂM

	31/12/2018		Số phải nộp trong năm VND		Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND		01/01/2018	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	15.228.928	1.260.346.545	1.260.346.545	1.445.126.019	200.008.402	200.008.402	-	-
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	299.440.368	299.440.368	299.440.368	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	8.420.940	62.604.876	62.604.876	247.384.350	193.200.414	193.200.414	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.807.988	848.247.689	848.247.689	848.247.689	6.807.988	6.807.988	-	-
- Các loại thuế khác	-	50.053.612	50.053.612	50.053.612	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC (TIẾP)

14.2 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG NĂM

	31/12/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND
Phải thu	59.215.947	-	-	59.215.947
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.215.947	-	-	59.215.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	37.956.500	1.735.331.189
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	36.141.500	-
- Bảo hiểm xã hội	315.000	-
- Phải trả phải nộp khác	1.500.000	1.735.331.189
Dài hạn	219.012.569.882	218.148.490.950
Dự án Nhà ở tại ngõ 164 Khuất Duy Tiến	219.012.569.882	218.148.490.950
- Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà CIE-CMC-SĐVĐ	184.911.342.721	184.047.263.789
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư & Xây dựng	6.719.003.823	6.719.003.823
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	27.382.223.338	27.382.223.338
	219.050.526.382	219.883.822.139

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

16.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2018	01/01/2018
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.800.000	3.800.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.800.000	3.800.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	38.000.000.000	10.793.442.327	5.702.150.668	54.495.592.995
- Lỗ trong năm	-	-	(1.034.661.604)	(1.034.661.604)
31/12/2017	38.000.000.000	10.793.442.327	4.667.489.064	53.460.931.391
01/01/2018	38.000.000.000	10.793.442.327	4.667.489.064	53.460.931.391
- Lãi trong năm	-	-	746.936.355	746.936.355
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.124.148.783)	(1.124.148.783)
31/12/2018	38.000.000.000	10.793.442.327	4.290.276.636	53.083.718.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu	2.994.403.678	624.389.090
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.994.403.678	624.389.090
Doanh thu với các bên liên quan	2.994.403.678	624.389.090
- Viện cơ điện tử MICIE	185.760.000	185.760.000
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	2.808.643.678	438.629.090

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.994.403.678	624.389.090
	2.994.403.678	624.389.090

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.237.030	10.045.828
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.725.179.400	4.410.982.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	50.186.907	557.268
	1.776.603.337	4.421.585.596

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.027.986.982	3.477.298.586
- Nhân viên quản lý	1.552.378.466	1.584.175.139
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.472.608.516	1.893.123.447
- Chi phí quản lý khác	3.000.000	-
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.000.000.000)	-
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(2.000.000.000)	-
	1.027.986.982	3.477.298.586

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý vì hoạt động chính của Công ty là bán hàng hóa và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

23. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2018, Công ty có mối quan hệ với các bên liên quan như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	Công ty con
2	Công ty CP Thương mại Kim Hoa	Công ty con
3	Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	Công ty con
4	Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	Công ty con
5	Viện cơ điện tử MICIE	Công ty con

23.1 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng	2.994.403.678	624.389.090
- Viện cơ điện tử CIE	185.760.000	185.760.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	2.808.643.678	438.629.090
Góp vốn đầu tư	-	424.178.912
- Viện cơ điện tử CIE	-	424.178.912
Cổ tức nhận được	3.218.000.000	3.599.443.013
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	-	140.015.342
- Công ty Cổ phần máy và thiết bị CN 1-5	-	161.220.000
- Công ty Cổ phần thương mại Kim Hoa	-	58.207.671
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	3.218.000.000	3.240.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

23.2 SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khác	1.034.250.000	3.240.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	503.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	-	3.240.000.000
- Công ty Cổ phần máy và thiết bị CN 1-5	531.250.000	-
Phải trả khác	-	1.735.331.189
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	-	1.735.331.189
Phải trả người bán	14.022.230.846	23.898.159.163
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	14.022.230.846	23.898.159.163
Trả trước cho người bán	1.375.000.000	630.000.000
- Viện Cơ điện tử CIE	1.375.000.000	630.000.000
Phải thu khách hàng	3.408.865.478	3.204.529.478
- Viện Cơ điện tử CIE	3.408.865.478	3.204.529.478

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí